

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày 29 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà - Cán bộ hưu trí;

Ông Lưu Xuân Tiến - Hiệu trưởng Trường THCS Nam Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện VKS nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Việt A**, sinh ngày 30/3/2005; nơi ĐKKHKT: 5/110 đường K, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1976; con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh năm 1975; nơi cư trú: N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết); con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1978, có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Đoàn Thị M**; sinh năm 1976; nơi cư trú: đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1950; con bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1952; gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai; chồng: Đoàn Văn K, sinh năm 1974, có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Bị hại:

4.1. Anh Tô Duy C; sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

4.2. Chị Vũ Thị Bích T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4.3. Ông Vũ Văn X, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4.4. Anh Phạm Duy Kh, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4.5 Anh Đàm Văn A, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố số, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4.6. Anh Trần Văn H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cháu Đỗ Thành L, sinh ngày 19/5/2006;

- *Người đại diện theo pháp luật của L là*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (là mẹ đẻ của L);

Đều cư trú tại: 138/223 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

6. *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Việt A*: Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 (là bố, mẹ đẻ của bị cáo); nơi cư trú: đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. (anh D và chị N có mặt tại phiên tòa).

7. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt A*: Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện của người liên quan và người bào chữa đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Khả H, Nguyễn Việt A và Đỗ Thành L là bạn bè với nhau. Do thiếu tiền ăn tiêu nên H, Việt A và L rủ nhau đi trộm cắp xe kéo tự chế của các nhà dân đem đi bán. Trong thời gian từ ngày 17/5/2021 đến ngày 12/6/2021 H, Việt A và L đã thực hiện các vụ trộm cắp như sau:

1. Trưa ngày 17/5/2021, L điều khiển xe wave trắng không có biển kiểm soát chở Việt A đi đến khu vực xóm, xã N, huyện Nam Trực, L và Việt A phát hiện thấy trước cửa nhà chị Nguyễn Thị B có 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại không có người trông coi. L dừng xe, Việt A xuống xe đi đến lấy tài sản kéo ra chỗ L đứng. Sau đó, L điều khiển xe máy chở Việt A ngồi sau kéo xe đi lên cửa hàng thu mua phế liệu của Đoàn Thị M bán với giá 350.000 đồng.

2. Trưa ngày 19/5/2021 H điều khiển xe wave trắng không có biển kiểm soát chở L đi đến khu vực thôn T, xã N, huyện Nam Trực quan sát thấy trước xưởng gỗ nhà ông Vũ Văn X có 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại không có ai trông coi, H dừng xe, L xuống cầm tay lái của xe kéo đi. H điều khiển xe máy chở L ngồi sau kéo xe lên cửa hàng thu mua phế liệu của Bùi Văn T bán với giá 600.000 đồng.

3. Trưa ngày 23/5/2021, L điều khiển xe máy chở Việt A tiếp tục đi đến khu vực xưởng gỗ nhà ông Vũ Văn X quan sát thấy trước cửa xưởng gỗ có để 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại, L dừng xe đứng cạnh giới, Việt A xuống xe cầm tay lái của xe kéo, ngồi trên xe máy L trở kéo xe đi được 4 đến 5m thì bị ông X phát hiện, L và Việt A bỏ lại xe kéo, rồi điều khiển xe máy chạy thoát.

4. Đêm 25/5/2021 rạng sáng ngày 26/5/2021, H điều khiển xe máy Wave trắng không có BKS chở Việt A đi đến khu vực Cầu V, xã H, huyện N quan sát thấy trước cửa nhà anh Tô Duy C có 01 xe kéo tự chế, làm bằng kim loại. H dừng xe, Việt A xuống cầm tay lái của xe kéo, ngồi lên xe máy H trở, cả hai kéo xe đi cất giấu, đến sáng ngày 26/5/2021 H và Việt A quay lại lấy xe và bán cho Đoàn Thị M với giá 450.000 đồng.

5. Trưa ngày 28/5/2021, H điều khiển xe máy Wave chở L đi đến khu vực Phố C, xã N, huyện N quan sát thấy trước cửa nhà anh Phạm Duy Kh có 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại không có người trông coi, H dừng xe đứng cạnh giới, L xuống xe cầm tay lái của xe kéo đi. H điều khiển xe máy chở L ngồi sau kéo theo xe đi lên cửa hàng thu, mua phế liệu của Bùi Văn T bán với giá 600.000 đồng.

6. Trưa ngày 29/5/2021, H điều khiển xe máy chở Việt A đi đến khu vực xóm, xã Nam T, huyện Nam Trực quan sát thấy đối diện cửa nhà chị Vũ Thị Bích T, có để 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại, trên thùng xe có đoạn ống hút cát bằng bạt cuộn tròn dài 600m, đường kính ống 0,2m. H dừng xe, Việt A xuống cầm tay lái của xe kéo đi. Khi di chuyển xe được 0,5 đến 1m thì bánh xe phía

trước của xe kéo bị kẹt ở rãnh, giao giữa vỉa hè và lòng đường. Do trên thùng xe có đoạn ống hút nặng Việt A không kéo được nên bỏ xe kéo lại và đi về.

7. Trưa ngày 02/6/2021, H điều khiển xe máy chở L đi đến khu vực tổ 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định quan sát thấy đối diện nhà anh Đàm Văn A có để 01 xe kéo tự chế làm bằng kim loại không có ai trông coi, H điều khiển xe máy chở L ngồi sau kéo theo xe lên cửa hàng thu, mua phế liệu của Bùi Văn T bán với giá 600.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe trên, T cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 ở tổ, thị trấn N, huyện N mượn để chở hàng. Trên đường đi, anh V có gặp anh Đàm Văn A, anh A nhận ra là xe kéo của mình bị mất nên đã liên hệ với T, T đồng ý bán lại cho anh A với giá 750.000 đồng, anh A đã đưa số tiền 750.000 đồng nhờ anh V trả cho T.

8. Đêm 11/6/2021 rạng sáng ngày 12/6/2021, L điều khiển xe máy chở H đi đến khu vực Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định thấy trước nhà anh Trần Văn H có để 01 xe kéo tự chế, làm bằng kim loại, Long dừng xe, H xuống cầm tay kéo của xe kéo đi. H điều khiển xe máy chở L ngồi sau kéo theo xe đi lên cửa hàng thu mua phế liệu của Đoàn Thị M bán với giá 450.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của các bị cáo gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng, xe không gắn biển kiểm soát có số khung RLHJA39188KY006521 và số máy JA39E-0862517; 02 bánh xe tự chế, đường kính 54cm, gắn phần trục với 16 thanh sắt đường kính 1,2cm, chiều dài lan hoa 20 cm, bên ngoài bọc lớp cao su màu đen; 02 bánh xe đường kính 54cm, 02 bánh xe được gắn phần trục kim loại đường kính 2,8cm, chiều dài trục nối 2 bánh xe 100 cm, mỗi bánh có 14 lan hoa kim loại đường kính 01 cm, chiều dài 20 cm; 01 bánh xe gồm 14 lan hoa kim loại, đường kính bánh xe 54cm, được bọc bằng lớp cao su bên ngoài được nối với phần tay cầm bằng kim loại dài 80cm; 02 bánh xe tự chế, đường kính 54cm, bên ngoài được bọc bằng lớp cao su màu đen, lan hoa xe được làm bằng thép xoắn tự chế.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG ngày 18/6/2021 của hội đồng định giá tài sản huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, kết luận: 01 xe kéo tự chế của chị Nguyễn Thị B có giá trị là 1.000.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của ông Vũ Văn X có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của anh Tô Duy C có giá trị là 3.500.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của anh Phạm Duy Kh có giá trị là 2.000.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của anh Đàm Văn A có giá trị là 2.500.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của anh Trần Văn H có giá trị là 2.000.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của ông Vũ Văn X có giá trị là 800.000 đồng; 01 xe kéo tự chế của chị Vũ Thị Bích T có giá trị là 3.500.000 đồng. Đoạn ống hút cát bằng bạt đã qua sử dụng có giá trị là 18.000.000 đồng. Tổng giá trị là: **36.300.000 đồng**.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Cơ quan điều tra công an huyện Nam Trực đã xác định và trả lại ông Vũ Văn X 02 bánh xe tự chế, đường kính 54cm, gắn phần trục với 16 thanh sắt đường kính 1,2cm, chiều dài nan 20 cm, bên ngoài bọc lớp cao su màu đen. Trả lại cho anh Phạm Duy Kh 02 bánh xe đường kính 54cm, 02 bánh xe được gắn phần trục kim loại đường kính 2,8cm, chiều dài trục nối 2 bánh xe 100 cm, mỗi bánh có 14 nan kim loại đường kính 01 cm, chiều dài 20 cm và 01 bánh xe gồm 14 nan kim loại, đường kính bánh xe 54cm, được bọc bằng lớp

cao su bên ngoài được nối với phần tay cầm bằng kim loại dài 80cm. Trả lại cho anh Trần Văn H 01 bánh xe gồm 14 nan kim loại, đường kính bánh xe 54cm, được bọc bằng lớp cao su bên ngoài được nối với phần tay cầm bằng kim loại dài 80cm.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Việt A, Bùi Văn T và Đoàn Thị M và gia đình Mai Khả H, Đỗ Thành L đã liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại là anh Phạm Duy Kh 2.000.000 đồng, anh Đàm Văn Á 2.500.000 đồng, ông Trần Văn H 2.000.000 đồng, ông Vũ Văn X 3.000.000 đồng. Anh Kh, anh Á, anh H, ông X đã nhận tiền và không có yêu cầu gì. Các chị Nguyễn Thị B, chị Vũ Thị Bích T và anh Tô Duy C không có yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự. Các bị hại đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng, xe không gắn biển kiểm soát có số khung RLHJA39188KY006521 và số máy JA39E-0862517, quá trình điều tra xác định đây là xe do Mai Khả H và Nguyễn Việt A trộm cắp ở phường M, thành phố N đầu tháng 5/2021, dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Xét thấy vụ việc trên không thuộc thẩm quyền, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực đã chuyển toàn bộ tài liệu cùng vật chứng có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để giải quyết.

Cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Việt A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Thị M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Việt A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng bởi việc bị cáo phạm tội là do thiếu sự quan tâm giám sát của gia đình; bị cáo còn nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt A phạm tội “Trộm cắp tài sản” và các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Thị M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Việt A từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3 Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự.

3.1. Xử phạt Bùi Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3.2. Xử phạt Đoàn Thị M từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Kh, anh Á, anh H, ông X đã nhận lại giá trị tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Chị Vũ Thị Bích T và anh Tô Duy C không có yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

5. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Việt A phải nộp lại số tiền 450.000 đồng do hành vi phạm tội mà có để sung Ngân sách nhà nước.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, do nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của các bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản số: 15/KLĐG ngày 18/6/2021 của hội đồng định giá tài sản huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 25/5/2021 và 29/5/2021 Nguyễn Việt A đã cùng với Mai Khả H lợi dụng sơ hở không có người trông coi, đã lén lút trộm cắp 02 chiếc xe kéo tự chế của anh Tô Duy C và chị Vũ Thị Bích T với tổng giá trị tài sản 25.000.000 đồng. Đoàn Thị M và Bùi Văn T mặc dù biết các xe tự chế do Nguyễn Việt A, Mai Khả H, Đỗ Thành L bán là do trộm cắp mà có nhưng do hám lời nên ngày 26/5/2021 và ngày 11/6/2021 Đoàn Thị M vẫn mua 2 chiếc xe tự chế với tổng giá trị 5.500.000 đồng. Bùi Văn T mua 3 chiếc xe tự chế vào các ngày

19/5/2021, 28/5/2021 và ngày 02/6/2021 với tổng giá trị là 7.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Việt A đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn T và Đoàn Thị M đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình; cùng tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh các bị cáo hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Thị M là lao động chính trong gia đình; Vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều thực hiện hành vi nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Việt A: Khi phạm tội mới trên 16 tuổi, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế. Ngoài ra gia đình bị cáo thiếu sự giám sát giáo dục, buông lỏng quản lý, bị bạn bè rủ rê lôi kéo. Do vậy việc xử lý phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Các bị cáo Bùi Văn T và Đoàn Thị M có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội, tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng; Do đó, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện không lớn, các bị cáo là người lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thực tế không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi ngày 17/5/2021, 23/5/2021 Nguyễn Việt A cùng Đỗ Thành L trộm cắp chiếc xe tự chế của chị Nguyễn Thị B trị giá 1.000.000 đồng; của ông Vũ Văn X trị giá 8.000.000 đồng. Đoàn Thị M mua 1 xe tự chế của Nguyễn Việt A, Đỗ Thành L vào ngày 17/5/2021 có trị giá 1.000.000 đồng. Do giá trị tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Nam Trực đã xử lý hành chính đối với Việt A, L và M là có căn cứ.

[8] Đối với hành vi của Mai Khả H cùng Nguyễn Việt A, Đỗ Thành L trộm cắp tài sản với tổng giá trị 34.500.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên quá trình điều tra H đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực đã ra quyết định truy nã đồng thời ra quyết định tách vụ án hình sự đối với Mai Khả H để điều tra, xử lý sau.

[9] Đối với Đỗ Thành L, sinh ngày 19/5/2006, tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mới 15 tuổi 24 ngày nên không phải chịu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Nam Trực đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp. Anh Đoàn Văn K (là chồng của M) khi tháo dỡ các xe kéo tự chế không biết nguồn gốc là tài sản phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Anh Nguyễn Văn V khi mượn xe kéo của Bùi Văn T không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là anh Kh, anh Á, anh H, ông X đã nhận lại giá trị tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. chị Vũ Thị Bích T và anh Tô Duy C không có yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[11] Đối với số tiền 450.000 đồng do bị cáo Nguyễn Việt A và Mai Khả H lấy trộm tài sản của anh Tô Duy C bán cho Đoàn Thị M, anh C không yêu cầu phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Do vậy, đây là số tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên cần truy thu để sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt A phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Thị M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Việt A** 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo cho UBND phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Bùi Văn T** 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo cho UBND phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt **Đoàn Thị M** 21 (hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo cho UBND phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Việt A phải nộp lại số tiền 450.000 đồng do hành vi phạm tội mà có sung Ngân sách nhà nước. Được đối trừ vào số tiền 650.000 đồng đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số 0000561 ngày 29/9/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Việt A, Bùi Văn T và Đoàn Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện của bị cáo Nguyễn Việt A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện của người liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Người bào chữa; Bị hại;
- Người có QLVN liên quan và đại diện người có QLVN liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND phường L, Tp Nam Định;
- UBND phường N, Tp Nam Định;
- UBND phường T, Tp Nam Định;
- Lưu hồ sơ + VP.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh